

VUA KANISHKA VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Trần Trúc-Lâm

Các chữ viết tắt: PG: Phật Giáo. TTL: Trước tây lịch.
TK: Thế kỷ. SKT: Sách kể trên. GCTG: Ghi chú của tác giả.

Khởi Nhập:

Trong bài lược khảo về “*Khung cảnh lịch sử quanh bộ kinh Malindapanha*” người viết có nhắc đến sự xuất hiện vào thế kỷ thứ 3 TTL của các sắc dân Scythian và Kushan ở vùng tây bắc lục địa Ấn, bao gồm Afghanistan và Pakistan, đã làm thay đổi sâu sắc lịch sử trong vùng cho đến ngày nay. Vào đầu thiên niên kỷ thứ nhất, có một vị vua nổi bật mang tên Kanishka (Hán-Việt âm là Ca Nị Sắc vương, Ca Nị Sắc Ca, Kế Nị Ca vương, Đàn Kế Nị vương, Cát Nị Thi Cát vương, Ca Nị Sát Tra vương – GCTG) của đế quốc Kushan, hậu duệ của những sắc dân ấy đã đóng một vai trò thiết yếu cho sự phát triển của Đại thừa Phật giáo (viết tắt PG) và rồi truyền bá sang Trung quốc. Ông đã được kinh sách PG tán tụng không kém gì vua Asoka của đế quốc Maurya ở Ấn vào 3 thế kỷ trước, vua Menander của xứ Ấn-Hy vào giữa TK 2 TTL, các vua triều đại Gupta ở TK thứ 5 TL và vua Hashavardhana ở TK thứ 6 TL.

Nguồn gốc của dân Sakas (Scythians) Và Yuezhi (Kushans):

Suốt lịch sử Trung quốc từ thời cổ đại cho đến cận đại, nước Tàu luôn bị các giống dân du mục ở phía tây mà sử Tàu có khi gọi là rợ Hồ, hay có khi gọi chung là Hung nô luôn kéo



quân sang cướp phá uy hiếp. Ngay cả dưới thời nhà Hán, nhiều khi triều đình còn phải cống phẩm vật để cầu hòa, và còn gả cả phụ nữ hoàng gia cho các vua Hung (gọi là thiên-vu) như chuyện “Chiêu Quân cống Hồ”; hay chuyện một vị quan tên Tô Vũ triều Hán Vũ đế bị Hung Nô bắt, phải đi chăn dê ở gần hồ Balkan, Tây vực suốt 19 năm; có khi sử Tàu còn ghi việc tướng Pan-Chao (Ban Siêu, đời Hán Minh đế) chống lại quân Kushan ở Khotan (Hán ngữ hay ghi là Khuất Đan, Vu Điền, Vu Điện, Vu Độn, Khê Đan) vào năm 90 TL. Áp lực của rợ ở tây vực vẫn còn nặng nề mãi về sau cho đến thời Ngũ đại sau khi nhà Tống bị sụp đổ, rồi nhà Nguyên, nhà Thanh đều là gốc man di vv..

Ở Trung quốc, vào khoảng đầu thế kỷ thứ 3 TTL, Tần Thi Hoàng sau khi thống nhất đất nước vào năm 221 TTL đã tạm đuổi được rợ Hung Nô (Xiongnu, Hiung-nu: Huns) ra xa bờ cõi. Khi thua trận quân Hung di dân sang phía tây đánh đuổi những bộ tộc Yuezhi (Nguyệt Chi hay Nhục Chi) sinh sống ở lưu vực Tarim (Xinjiang và Kansu ngày nay) đến vùng sông Ili vào khoảng 175 TTL. Đến lượt họ, người Nhục Chi, lại đẩy các bộ lạc Sakas (mà tiếng Hy-lạp gọi là Scythians, và tiếng Hán là "Sai" 塞), có nguồn gốc Mông cổ, về phía tây nam vào các xứ Parthia (vùng đất bị tách ra từ đế quốc Seleucid vào năm 281 TTL, xứ còn lại là Syria – GCTG) khoảng 138-124 TTL.

Đến khoảng giữa TK 2 TTL, các bộ lạc Sakas và Yuezhi liên kết nổi dậy giết được các vua Phraates II và Artabanus I của xứ Parthia, nhưng rồi bị vua Mithridates II (kh. 123-87 TTL) đánh bại vào khoảng năm 100 TTL. Dân Yuezhi liền kéo vào xứ Bactria, vốn đã được độc lập khỏi Seleucid từ năm 205 TTL. Bây giờ vùng này được cai trị bởi những triều vua Hy-Ân (Indo-Greek), hậu duệ từ các cuộc xâm lăng của người Hy-lạp do đại đế Alexander khởi xuất vào khoảng 326 TTL. Vùng đất họ định cư ở Bactria được gọi là Tokharistan, và dân Yuezhi được người Hy gọi là Tocharians. Các giống dân mới, sau khi định cư dần đồng hóa với nền văn hóa Hy.

Trong khi ấy thì dân Sakas tái định cư ở phía nam xứ Afghanistan ngày nay, được gọi là Sakistan, và sống lẫn lộn với các giống Pahlavas và Kambojas. Từ đó họ dần bành trướng vào phía bắc của lục địa Ấn sau khi Maues chiếm được vùng Gandhara và Taxila khoảng năm 80 TTL. Năm 78 TTL dân Sakas chiếm được Ujjain và năm 60 TTL chiếm Mathura ở phía đông và Surastrene (Gujarat) ở phía tây nam của Ấn; rồi đặt quan thái thú hay tiểu vương cai trị. Nhưng vương quốc này sớm tan rã sau khi vua Maues qua đời. Các vua Hy-Ấn Apollodotus II (80-65 TTL) và Hippostratos (65-55 TTL) chiếm lại Gandhara và vua Vikrama ở Ấn tái chiếm Ujjain vào năm 58 TTL.

Ba năm sau, vua Azes I của dân Sakas phản công chiếm lại toàn vùng tây bắc lục địa Ấn sau khi đánh bại vua Hippostratos lập nên vương quốc Indo-Scythians.



Đồng tiền có hình của vua Azes II

Đến triều vua Azes II (90-12 TTL), ông đã diệt hết các tiểu vương quốc Hy-Ấn. Nhưng sau khi vua Aze II mất thì vương quốc Indo-Scythian bị giống Kushan, vốn là một bộ phận của rợ Yuezhi, xâm chiếm lập nên Đế quốc Kushan (nên sử Tàu hay gọi lẫn lộn là xứ Khuất Chi hay Nhục Chi) kéo dài vài thế kỷ, chỉ bị tạm dứt khoảng một thế kỷ khi bị dân Parthians xâm lăng từ 20 TL đến 75 TL, rồi phục hồi trở lại.

Ban đầu dân của 5 bộ lạc Yuezhi được vua Kujula Kadphises I kết hợp lại, tiến về phía đông chiếm và định cư tại vùng Hindu Kush rồi các vị vua kết iếp dần bành trướng khắp phía bắc Ấn.

Đế quốc Kushan tồn tại từ TK thứ I đến TK 3 TL, trải dài từ Tajikistan đến biển Caspian và Afghanistan, cho mãi đến thung lũng sông Ganges. Trong nhiều thế kỷ, đế quốc này là trung tâm giao dịch giữa các xứ đông và tây phương. Các triều đại huy hoàng nhất là từ 100 đến 250 TL có Kanishka I (127-151 TL), Huvishka (156-184 TL), Vasudeva I (188-222 TL), Kanishka II (222-241 TL) và Vashishka (241- 256 TL.)

Phổ hệ của các vương triều Kushan:

Bia ký Rabatak đã ghi rõ phổ hệ của các vương triều Kushan, cho thấy Kanishka kế vị vua Vima Kadphises và kẻ kế vị ông là Huvishka mà chi tiết các việc lên ngôi không được lưu lại rõ ràng. [Nicholas Sims-Williams (1998): "Further notes on the Bactrian inscription of Rabatak, with an Appendix on the names of Kujula Kadphises and Vima Taktu in Chinese." Proceedings of the Third European Conference of Iranian Studies Part 1: Old and Middle Iranian Studies. Edited by Nicholas Sims-Williams. Wiesbaden. 1998, pp. 79-93.]

Tên Vua	Thời gian trị vì	Năm trị vì tìm thấy trên bia ký
Kajula Kadphises	Ít nhất 23 năm	103-136 (?)
Vima Takpiso	Ít nhất 20 năm	279-299 (?)
Vima Kadphises		184(?)
Kanishka I	23-27 năm	1-23 (Đây không phải là năm theo tây lịch mà là năm đầu của lịch triều Kanishka); 127 - 151 TL.
Huvishka	32-40 năm	28-60 kể từ triều Kanishka; 156-184 TL.
Vasudeva	34-40 năm	64-98; 188-222 TL
Kanishka II	Khoảng 19 năm	222-241 TL.

Vasishka 8	8 - 20 năm	241-256 TL (?)
Kanishka III	Không rõ	Không rõ
Vasudeva II	Không rõ	170 (297 ?i)
Shaka	Không rõ	

Có vẻ như Kanishka không trực thuộc giòng của tiên vương Kadphises. Nhiều ý kiến cho rằng ông từ một giòng khác như Khiết Đan từ Tân cương tranh được ngôi vua, hoặc là thủ lãnh từ một tiểu vương Ấn cướp ngôi thành công.

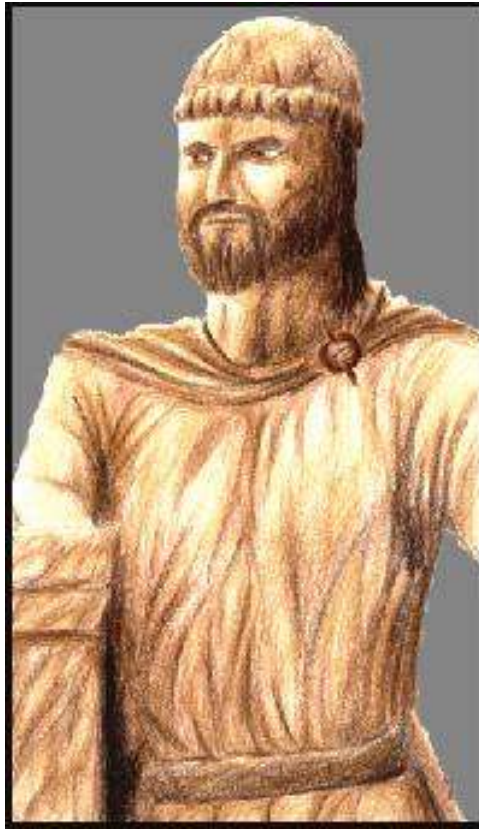
Hòang Đế Kanishka I (127 - 151 TL):



Tiền vàng có hình vua Kanishka I (khoảng 130 TL). Kanishka đứng thẳng trong bộ chiến phục Kushan, ủng cao, ngọn lửa phát ra từ hai vai, tay trái cầm uy trượng, đang dâng cúng vật trước bàn thờ. Ghi chú bằng chữ Hy-Bactrian viết "Shaonanoshao Kanishki Koshano": có nghĩa "Vua của các vua, Kanishka dân Kushan".

Tuy Kanishka được biết như là một ông vua hùng danh của đế quốc Kushan; và đã được kinh sách Đại thừa PG ca tụng như một Hộ pháp vương vĩ đại; thế mà vì những nghiên cứu sử học ở vùng thung lũng tây bắc Ấn cho đến nay chưa được khảo sát tường tận nên chưa có một sự đồng thuận về thời gian trị vì của ông. Có thuyết cho là

từ 78 TL đến 103 TL, có người bảo là từ 78 đến 144 TL, kẻ khác lại cho là từ 100-164 TL hoặc từ 128 đến 151 TL.



Hoàng Đế Kanishka

Cho đến nay đã có 3 cuộc hội nghị chuyên đề tại Luân đôn để giải quyết việc này vẫn chưa đem lại kết quả cụ thể. Gần đây những bàn luận đã tập chú vào thời kỳ từ năm 100 đến 140 TL. Nhưng vào năm 2004, nhờ vào một khám phá trong việc nghiên cứu của Harry Falk thấy rằng thời trị vì của Kanishka đã được dân Kushan xưa dùng làm niên đại đầu của lịch mới trong suốt một thế kỷ cho đến khi đế quốc bị tan rã, nên nhiều người thấy năm đăng quang của Kanishka là 127 TL có vẻ khả tín hơn. [Falk, Harry (2001): “The yuga of Sphujiddhvaja and the era of the Kuṣāṇas.” *Silk Road Art and Archaeology* VII, pp. 121-136.]



Bức tượng bằng đá Kanishka, tương tự hình được khắc trên đồng tiền, được trưng bày ở Viện bảo tàng Mathura.

Những chứng cứ về cuộc đời của vua Kanishka đã được gom góp lại từ những di tích khảo cổ và trong văn học PG. Khi ông lên ngôi thì đế quốc Kushan đã hùng cường; tuy vậy ông lại bành trướng thêm dựa vào sự lấn chiếm các nước nhỏ quanh vùng, đặc biệt là về phía đông. Sự bành trướng này nhằm 2 mục đích: 1) Giữ vững sự kiểm soát “con đường tơ lụa”; con đường kinh tế huyết mạch của thế giới thời bấy giờ. 2) Truyền bá PG qua Trung hoa.

Dưới thời Kanishka, kinh đô của đế quốc Kushan là Purushapura, bây giờ là Peshawar ở Pakistan, nằm ở vùng thượng lưu của các sông Indus và Ganges. Đế quốc Kushan thời này rất rộng. Nó trải dài từ Uzbekistan và Tajikistan, vùng Trung Á, trên đồng bằng Oxus ở phía tây bắc Ấn đến Varanasi ở phía đông; từ Kashmir ở phía bắc đến Mathura và Gujarat ở phía đông nam bao gồm xứ Malwa. Có lúc còn lan đến vùng Kashgar, Khotan và Yarkand, là các chư hầu của Trung quốc ở lưu vực sông Tarim, Tân Cương ngày nay. Nhiều đồng tiền có hình vua Kanishka đã đào được ở đây. Để cai trị hiệu quả một đế quốc rộng lớn, hoàng đế bổ nhiệm các quan satraps

(thái thú), meridareks (huyện trưởng), và strategoi (quân khu trưởng) phụ trách các miền.

Vì kiểm soát được con đường tơ lụa và đánh thuế cao trên những lái buôn ngoại quốc đi qua các quan ải của lãnh thổ đế quốc Kushan nên nền kinh tế trong vùng rất sung túc với các thành phố lớn, nhiều đền đài cung điện huy hoàng, thương mại sầm uất và nhiều nghiệp đoàn nghệ nhân tụ hội từ các xứ tây và đông phương. Nhờ vậy mà nền văn hóa và học thuật cũng phát triển cao độ khi tiếp có sự giao lưu giữa các nền văn minh lớn từ La Mã (trong thời của các hoàng đế Trajan và Hadrian: 98-138 TL) và Trung quốc (dưới triều nhà Hán).

Sự dung hòa các nền văn hóa:

Trong sự phát triển và lớn mạnh của đế quốc Kushan đã có sự tiếp thu và dung hòa nhuần nhuyễn các nền văn hóa địa phương; rõ nét nhất là dưới triều vua Kanishka. Điều này được biết đến qua các đồng tiền thời ông đã đào được trong các cuộc khảo cổ ở vùng Kashmir. Trong đó đồng tiền thời vua Kanishka có mang nhiều dấu vết đa thần từ Ấn giáo, PG, Hy-lạp, Persian và ngay cả thần của xứ Sumerian-Elamite trong Zoroastrian (Bái hỏa giáo). Nó cho thấy có sự thay đổi chuyển tiếp trong ảnh hưởng của các nền văn hóa, và nổi bật là PG.

Tương tự như các nhà cai trị quân chủ khác, Kanishka cũng cho mình có “thiên mệnh”. Ông mang nhiều danh vị đã được khắc trên các đồng tiền dưới thời ông như “Vua của các vua”, “Đại vương”, “Thiên tử”, và “Hoàng Đế”. Sau khi băng hà cũng được thần dân thánh hóa và xây điện thờ.



Mặt sau của đồng tiền vàng có hình của nữ thần Hy-lạp Helios. (kh. 130 TL).

Một vài đồng tiền ở những năm đầu trị vì của Kanishka đào được cho thấy dân Kushan chịu nhiều ảnh hưởng Hy Lạp với ghi chú bằng chữ Hy trên đồng tiền, ví dụ ΗΛΙΟΣ (Nhật thần Helios), ΗΦΑΙΣΤΟΣ (Hỏa thần Hephaistos), ΣΑΛΗΝΗ (Nguyệt thần Selene), ΑΝΗΜΟΣ (Phong thần Anemos).

Về sau dân Kushan dần chịu thêm ảnh hưởng của Iran và Ấn, ví dụ như dấu triện mang hình thần Iran tên Adsho đang cưỡi ngựa. Sau giai đoạn chuyển tiếp ở Bactria, nhiều hình



thần Persian thấy xuất hiện trên đồng tiền dưới chữ Hy Lạp như ΜΑΟ (Nguyệt thần Mao),



Vua Kanishka và Nguyệt thần Mao

ΟΑΔΟ (Phong thần Oado), ΜΙΘΡΟ ("Mitro", Mithra), vv..



và một số thần Ấn giáo cũng được đúc theo như OH $\square$ O "Oesho", hóa thân của thần Shiva.

Ông còn khuyến khích sự dung hòa giữa các trường phái nghệ thuật PG-Hy và Mathura của Ấn giáo, cùng với nền học thuật Gandhara của PG. Dưới triều ông nền văn hóa Gandhara được phát triển mạnh mẽ và đạt đến tuyệt đỉnh cao độ với nhiều học giả, cao tăng, luận gia qui tụ.

Vua Kanishkan và sự hưng thịnh của phái Đại thừa PG:

Các tiên vương trước thời Kanishka đều tôn thờ đa thần giáo, nhưng đến thời ông thì trở nên một Phật tử thuần thành. Thời bấy giờ phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivādins) của Đại chúng bộ đã bén rễ vững chắc ở vùng Kashmir và Gandhara. PG đã được truyền bá đến vùng này nhờ vào đoàn truyền giáo thứ 2 do đại sư Majjhantika cầm đầu theo lệnh vua Asoka, và lời đề nghị của cao tăng Moggaliputta Tissa sau kỳ kết tập kinh điển lần thứ ba tại Pataliputra vào khoảng năm 256 trước TTL.

Được sự hộ trì của vua Kanishka, phái Nhất thiết hữu bộ càng được phát triển mạnh mẽ và cao điểm là nhà vua đã bảo trợ cho lần kết tập kinh điển mà trong Phật sử đại thừa gọi là lần thứ tư, vào năm Phật lịch 618, tức khoảng đầu TK thứ 2 TL, tại Jālandhar Kashmīrthat, Kashmir, gồm 500 vị tỷ-kheo dưới sự chủ tọa của đại sư Vasumitra (Thế Hữu, dịch âm là Bà-tu Mật-đa). Mục đích của kỳ

kết tập này là để soạn ra các bộ luận: Kinh Sớ, Luật Sớ và Luận Sớ. Đại hội này chính là khởi điểm cho sự phát triển của Đại thừa (Mahayana) về sau; và cũng nhờ vua Kanishka mà PG đã được truyền sang Trung quốc vào khoảng thế kỷ thứ 2 TL.

Lần kết tập này đã ghi lại tam tạng kinh bằng tiếng Sanscrit, và được khắc lên rất nhiều tấm đồng, đặt rong những hòm đá và để thờ trong các tháp; thế nhưng ngày nay nội dung những bản kinh này chỉ còn lưu truyền qua các bản dịch Hán tự.

Cũng trong thời kỳ huy hoàng này có sự xuất hiện của những đại luận gia PG như Nagarjuna (Long Thọ), Vasumitra (Bà-tu Mật-đa: Thế Hữu) và Asvaghosha (Mã Minh). Tương truyền Asvaghosha còn giữ vai cố vấn tôn giáo cho nhà vua.

Vào giữa thế kỷ thứ 2, tăng đoàn ở Gandhara đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá PG về phương bắc và đông Á châu. Một cao tăng người Vu-điền, tên Lokaksema (Chi-Lâu-Ca-Sám, kh. 178 TL), đã đến hoàng hóa tại kinh đô Lạc-dương (Lo-yang) trở thành người đầu tiên dịch các kinh Đại thừa ra Hán ngữ. Từ đó con đường truyền bá PG sang Trung quốc đã thiết lập vững vàng.

Chính dưới thời Kanishka đã làm cho PG thay đổi triệt để để thích nghi với thời đại mới. Nhiều học giả đề ra giả thuyết cho rằng với đế quốc rộng lớn kiểm soát con đường tơ lụa nối từ châu Âu đến châu Á làm dung hòa nhiều tư tưởng tôn giáo đông tây và bản địa, đã xúc tác cho việc phát triển tư tưởng Đại thừa, chủ yếu ở phía bắc Ấn (nên Phật sử hay gọi là “bắc truyền”). Người ta cũng cho rằng vì thế mà làm cho cốt lõi PG bị biến đổi nên suy yếu tại quê hương mình; và Ấn giáo có cơ phục hồi một khi đế quốc Kushan của ông bị tan rã. Nhưng người khác lại cho rằng sự di cư ồ ạt của những bộ tộc du mục ở nội lục địa Á châu vào vùng tây bắc Ấn dưới thời thịnh trị của Kanishka, hoặc tràn sang châu Âu đã tàn phá những

nền văn minh và học thuật của địa phương trong đó có La-Mã và PG, và đã đưa châu Âu vào thời kỳ Trung cổ tối tăm. Những ý kiến này cần phải được tìm hiểu cặn kẽ thêm trước khi có một kết luận chính xác.

Vua Kanishka còn cho xây một đại tháp hùng vĩ tại thành Kanishkapur (mang tên ông) ở Peshawar không xa đèo Baramula là bao để thờ phụng xa-lị Phật trong một chiếc hộp bằng vàng. Ngày nay đại cổ tháp chỉ còn trơ lại cái nền cao năm tầng. Vào các năm 1908-1909, các nhà khảo cổ đã xác định được rằng nền tháp có đường kính là 286 bộ (feet), và chiều cao thì ký sự của đại sư Trung quốc chiêm bái Huyền Trang (Xuan Zang) đã ghi là từ 600 đến 700 bộ Tàu, tức khoảng 180-210 metres hay 591-689 feet; cao khoảng 13 tầng nhà theo tiêu chuẩn ngày nay, bằng gỗ chạm trổ tinh vi được chống đỡ bởi hàng cột bằng sắt mà bên trên cột toả ra với bệ đỡ bằng đồng mạ vàng. Rõ ràng nó là một kỳ quan của nhân loại vào thời bấy giờ.



Hộp chứa xá-lị (s. sarira) của đức Phật Thích Ca do vua Kanishka dựng, cho thấy có đức tượng Phật đang ngồi thiền định và bao quanh bởi Brahma và Indra. Kanishka đứng phẩy dưới bên trái. Một mẫu sao được lưu giữ ở British Museum.

Hộp xá-lị chính của đức Phật Thích Ca tương truyền có chứa ba mảnh xá-lị (xương Phật) vốn được tôn thờ trong đại tháp tại Shah-Ji-Ki-Dheri, ngoại ô Peshawar đã được an trí ở Mandalay, Miến Điện vào năm 1910; còn hộp thì được lưu giữ ở Viện Bảo tàng Peshawar.



Hộp chứa xá-lị có khắc giòng chữ Kharoshthi: "(*mahara) jasa kanishkasa kanishka-pure nagare aya gadha-karae deya-dharme sarva-satvana hita-suhartha bhavatu mahasenasa sagharaki dasa agisala nava-karmi ana*kanishkasa vihare mahasenasa sangharame" “Thần tử Agisalaos (gộc Hy-lạp), quản đốc mọi công việc tại đền Kanishka trong tu viện Mahasena.”

Chung quanh có điêu khắc hai hình đức Phật ngồi trên tòa sen được hoàng gia hầu kính, và hình các thần Persian như Nhật thần và Nguyệt thần. Một tràng hoa trang trí chạy vòng quanh hộp.

Hiện nay đang có sự bàn cãi về vị vua nào là người cho làm chiếc hộp dựa vào hình vua trên hộp không có râu rậm như hình thường thấy về vua Kanishka. Có người cho là đó là hình của vua kế vị là Huvishka.



Vua Kanishka trong truyền thống PG thường được mô tả như một bạo quân vô đạo trước khi quy y PG như trong kinh Sri-dharma-pitaka-nidana sutra: *"Bấy giờ vua xứ Ngan-si (Pahlava) rất ngu xuẩn và tâm tánh cuồng bạo. Một vị A-la-hán nhìn thấy những việc ác mà nhà vua đã làm liền muốn làm nhà vua hồi tâm nên đã dùng thần thông cho nhà vua thấy cảnh sẽ bị tra tấn ở địa ngục. Nhờ thế nhà vua kinh hãi và hồi tâm."* [theo Kumar, Baldev. 1973. The Early Kuṣāṇas. Trang 95 New Delhi, Sterling Publishers].

Ngoài ra việc xuất hiện của vua Kanishka và việc xây dựng đại tháp vốn đã được đức Phật báo trước. Trong Vinaya sutra kể: *"... đức Phật chỉ vào đĩa bé đang ngồi chơi xây tháp với đất sét .. [phán rằng] chính trên chỗ này, Kanishka sẽ xây một bảo tháp mang tên ông ấy."* [trang 91; SKT].

Câu chuyện tương tự đã được ghi lại trong một cuộn kinh tiếng Khiết Đan tìm thấy ở Đôn Hoàng (Dunhuang), báo trước việc vua Kanishka sẽ xuất hiện 400 năm sau khi đức Phật nhập Niết bàn và xây một đại tháp. [trang 89; SKT]

Đại sư Huyền Trang khi đi chiêm bái qua Ấn vào khoảng năm 630 cũng ghi lại câu chuyện này. [trang 93, SKT]

Các đồng tiền được đúc vào thời vua Kanishka có hình đức Phật Thích Ca và Di Lặc đào được chỉ chiếm khoảng 1%. Mặt kia có hình nhà vua như đã thấy ở trên. Hình ảnh trên các đồng tiền thời khắc chưa được khéo, không chi tiết và thiếu cân đối.



Mặt sau của đồng tiền vàng có hình của đức Phật (kh. 130 TL)
 với giòng chữ Hy-lạp
 BOΔΔO ("Boddo", đức Phật), hay □AKAMANO
 BOΔΔO ("Shakamano Boddho", đức Phật Thích Ca, hay
 O BOΔΔO ("Metrage Boddo", đức Phật Di Lặc).

Dưới đây là 6 mẫu tiêu biểu được vẽ lại.



Tượng Phật mặc áo tu sĩ theo kiểu Hy-lạp, gồm
 antaravasaka, uttarasanga,

và áo khoác ngoài sanghati.



Hình Phật Thích Ca trên tiền bằng đồng cho thấy hình vẽ áo cà sa rất mỏng, có lẽ là lớp áo lót antaravasaka và uttarasanga. Tay trái khoác dải uttariya.

Các mẫu khắc trên đồng tiền vàng về đức Phật đã được biểu tượng hóa khá xa với dáng tự nhiên của các điêu khắc kiểu Hy-lạp ban đầu ở Gandhara.



Hình đức Phật Di Lặc được khắc trên đồng tiền Kanishka, mang giòng chữ "Maitreya" (ΜΕΤΡΑΙΟ)

BOΔΔO "Metrago Boddo") đang ngồi kiết già và tay trái làm địa ấn (Abhaya mudra).



Tượng đồng Phật đứng đức ở Gandhara, khoảng TK 3 hay 4.

Sự suy vong của Đế quốc Kushan:

Đến TK thứ 3 TL thì đế quốc Kushan bắt đầu tan rã. Sau khi vua Vasudeva I chết thì đế quốc Kushan bị phân làm 2 xứ đông và tây. Đến khoảng năm 290 TL Các triều đại Kushan bị Shapur I cầm đầu dân Sassanides lật đổ, rồi lên làm vua. Shapur I cũng đã đánh bại quân La-mã và bành trướng rất mạnh trong vùng. Các triều đại Sassanides cai trị vùng này từ 290 đến 651 TL.

Dưới thời Sassanides Bái Hỏa giáo lại trở thành quốc giáo, nhưng cũng rất dung hòa với những tôn giáo khác, nên PG vẫn có cơ hội phát triển mạnh. Chính vào thời kỳ này hai bức tượng Phật đồ sộ lớn nhất toàn cầu đứng cao 177 bộ đã được tạc vào núi đá ở Bamiyan, Afghanistan vào năm 554, mà gần đây đã bị bọn cuồng tín Hồi giáo Taliban phá hủy vào tháng 3 năm 2001.

Đến TK thứ 5 thì đế quốc Sassanides bị tan rã bởi sự xâm lăng khác của rợ Hung nô mới và sau đó là sự lớn mạnh của triều đại Gupta ở Ấn và sự phục hồi Ấn giáo. Tuy vậy các triều vua về sau của Gupta lại hỗ trợ mạnh mẽ cho PG, trong đó có việc tái dựng Phật học viện Nalanda vĩ đại hơn, và nâng lên tầm vóc quốc tế. Nhưng không

lâu sau Ấn độ bị các thế lực Hồi giáo xâm lăng dẫn đến sự tàn lụi dần của PG.

Trần

Seattle, Hè 2007

Trúc-Lâm

Từ cuốn “**Những Hộ Pháp Vương Phật Giáo tại Ấn Độ**” sắp xuất bản.

Tài Liệu tham khảo:

- 1) *Wikipedia and other numerous websites.*
- 2) *Falk, Harry (2004): “The Kanishka era in Gupta records.” Silk Road Art and Archaeology X (2004), pp. 167-176.*
- 3) *Dobbins, K. Walton. (1971). The Stūpa and Vihāra of Kanishka I. The Asiatic Society of Bengal Monograph Series, Vol. XVIII. Calcutta.*
- 4) *H. Hargreaves, H. (1910-11): "Excavations at Shāh-jī-kī Dhērī"; Archaeological Survey of India, 1910-11, pp. 25-32.*
- 5) *Kumar, Baldev. 1973. The Early Kushans. Page 95 New Delhi, Sterling Publishers.*
- 6) *Nicholas Sims-Williams (1998): "Further notes on the Bactrian inscription of Rabatak, with an Appendix on the names of Kujula Kadphises and Vima Taktu in Chinese." Proceedings of the Third European Conference of Iranian Studies Part 1: Old and Middle Iranian Studies. Edited by Nicholas Sims-Williams. Wiesbaden. 1998, pp. 79-93.*

07-17-2007 10:23:56

Theo thuvienhoasen